CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – DỊCH VỤ HỘI AN

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CÔNG TY CP DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN

Digitally signed by CÔNG TY CP DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN
DN: E=NONAME@GMAIL.COM, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:4000102418, CN=CÔNG TY CP DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN, L=QUẢNG NAM, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2022-03-14 09:15:17
Foxit Reader Version: 9.3.0

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Du lịch – Dịch vụ Hội An theo Quyết định số 51/QĐ-TU ngày 16/02/2006 của Tỉnh ủy Quảng Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3303070234 ngày 01/10/2006. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000102418) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/05/2021. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy phép niêm yết số 104/2011/QĐ-SGDHCM ngày 13/07/2011 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán HOT. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 21/07/2011.

Vốn điều lệ:	80.000.000.000 đồng.
Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2021:	80.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Phường Minh An, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.
- Điện thoại: (84) 235.3861522
- Fax: (84) 235.3911099
- Email: hoianhotel@gng.vn
- Website: www.hoiantourist.com

Ngành nghề kinh doanh chính

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn;
- Vận tải hành khách đường thuỷ nội địa. Chi tiết: Vận tải hành khách đường thuỷ nội địa bằng phương tiện cơ giới;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao. Chi tiết: Dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao dưới nước, dịch vụ lặn biển;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương. Chi tiết: Vận tải ven biển bằng ca nô;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay, đại lý đổi ngoại tệ;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao. Chi tiết: Dịch vụ thể dục thẩm mỹ, thế dục thể hình;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải khách du lịch, vận tải khách theo hợp đồng;
- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Dịch vụ internet;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ.

Nhân sự

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Phan Văn Bình	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/04/2021
• Ông Trần Nam Hưng	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 27/04/2021
• Ông Vũ Hiền	Phó Chủ tịch	
• Ông Đoàn Ngọc Trung	Thành viên	
• Bà Lê Thị Thu Thủy	Thành viên	
• Ông Lê Thanh Bình	Thành viên	

Ban Kiểm soát

• Bà Trình Thị Kim Quy	Trưởng ban
• Bà Lê Thị Xuân	Thành viên
• Bà Nguyễn Thị Hương Thảo	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Lê Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
• Ông Nguyễn Văn Cư	Phó Tổng Giám đốc
• Bà Lê Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc
• Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 4000[illegible] C.T.C.P
CÔNG TY CP DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN
TP. HỘI AN - T. QUẢNG NAM

Lê Tiến Dũng

Quảng Nam, ngày 08 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH
Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 198 /2022/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 04/03/2022 của Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 31 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại mục (*) của Thuyết minh số 12 và thuyết minh số 14, tiền sử dụng đất phải nộp tương ứng với tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất (tại khu Thanh Tây, Phường Cẩm Châu, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam) đã được Công ty ghi nhận trên báo cáo tài chính đính kèm. Hiện nay, Công ty đang chờ chủ trương của tỉnh Quảng Nam về phương án giải quyết đối với lô đất này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Tại Báo cáo kiểm toán số 160321.002/BCKT.KT6 ngày 16/03/2021, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc	**Nguyễn Quốc Hùng – Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1	*Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4573-2018-010-1*

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 03 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**14.805.501.042**	**26.551.261.967**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**11.100.104.293**	**11.000.588.449**
1. Tiền	111		4.400.104.293	2.400.588.449
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.700.000.000	8.600.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	**9.000.000.000**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	9.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**2.033.301.490**	**4.201.747.128**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.516.263.916	1.980.139.498
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	140.315.770	511.531.444
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.239.591.501	2.007.185.225
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(862.869.697)	(297.109.039)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**1.527.576.207**	**1.799.107.551**
1. Hàng tồn kho	141	10	1.527.576.207	1.799.107.551
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**144.519.052**	**549.818.839**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	130.463.520	348.099.592
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	109.240.052
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	14.055.532	92.479.195
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**61.184.506.191**	**62.604.117.918**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	**9.000.000**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		-	9.000.000
II. Tài sản cố định	**220**		**52.416.209.566**	**57.811.981.344**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	45.536.183.857	50.838.697.499
- Nguyên giá	*222*		*205.917.160.256*	*209.279.554.949*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(160.380.976.399)*	*(158.440.857.450)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	6.880.025.709	6.973.283.845
- Nguyên giá	*228*		*10.891.918.998*	*10.891.918.998*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(4.011.893.289)*	*(3.918.635.153)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**5.058.287.418**	**1.918.212.776**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	5.058.287.418	1.918.212.776
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**3.710.009.207**	**2.864.923.798**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	3.710.009.207	2.864.923.798
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**75.990.007.233**	**89.155.379.885**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**19.028.836.206**	**11.096.324.691**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**18.280.307.913**	**10.462.677.693**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	3.221.786.645	1.145.166.467
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	837.236.215	512.157.694
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	10.994.889.797	5.619.965.509
4. Phải trả người lao động	314		1.926.642.915	1.350.204.161
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	833.014.682	1.190.898.203
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		466.737.659	644.285.659
II. Nợ dài hạn	**330**		**748.528.293**	**633.646.998**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	748.528.293	633.646.998
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**56.961.171.027**	**78.059.055.194**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**56.961.171.027**	**78.059.055.194**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*80.000.000.000*	*80.000.000.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415		(630.000)	(630.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	22.388.700.778	22.388.700.778
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	(45.426.899.751)	(24.329.015.584)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*	*20*	*(24.329.015.584)*	*740.101.246*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*	*20*	*(21.097.884.167)*	*(25.069.116.830)*
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**75.990.007.233**	**89.155.379.885**

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Lê Tiến Dũng	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nguyễn Thị Thu Quanh

Quảng Nam, ngày 04 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	26.463.143.440	38.438.271.690
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		26.463.143.440	38.438.271.690
4. Giá vốn hàng bán	11	22	38.715.164.586	49.093.690.355
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	**20**		**(12.252.021.146)**	**(10.655.418.665)**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	549.099.559	2.042.256.317
7. Chi phí tài chính	22	24	11.805.235	27.952.630
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*10.044.008*	*11.714.314*
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	25.a	640.823.152	3.296.173.185
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.b	9.217.885.569	13.194.475.127
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**(21.573.435.543)**	**(25.131.763.290)**
12. Thu nhập khác	31	26	666.106.597	722.776.029
13. Chi phí khác	32	27	75.673.926	525.985.867
14. Lợi nhuận khác	**40**		**590.432.671**	**196.790.162**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**(20.983.002.872)**	**(24.934.973.128)**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	114.881.295	134.143.702
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**		**(21.097.884.167)**	**(25.069.116.830)**
19. LNST của cổ đông công ty mẹ	61		(21.097.884.167)	(25.069.116.830)
20. LNST của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	(2.637)	(3.134)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	(2.637)	(3.134)

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Lê Tiến Dũng	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nguyễn Thị Thu Quanh

Quảng Nam, ngày 04 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	**01**		**(20.983.002.872)**	**(24.934.973.128)**
2.	***Điều chỉnh cho các khoản***				
-	Khấu hao Tài sản cố định	02	13,14	5.537.606.522	8.584.756.310
-	Các khoản dự phòng	03		565.760.658	3.996.000
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(967.877)	311.525
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	23,26	(1.021.960.679)	(2.544.205.181)
-	Chi phí lãi vay	06	24	10.044.008	11.714.314
3.	***LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động***	**08**		**(15.892.520.240)**	**(18.878.400.160)**
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.312.739.040	4.978.538.054
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	10	271.531.344	760.525.971
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		7.045.389.369	(17.670.709.684)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	11	(627.449.337)	4.611.003.642
-	Tiền lãi vay đã trả	14	24	(10.044.008)	(11.714.314)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(951.517.283)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	5.353.000
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(177.548.000)	(637.846.559)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(8.077.901.832)**	**(27.794.767.333)**
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(2.184.561.284)	(3.973.567.448)
2.	Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		712.201.819	735.636.364
3.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		9.000.000.000	36.000.000.000
4.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		648.809.264	2.556.415.481
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**8.176.449.799**	**35.318.484.397**
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền thu từ đi vay	33		1.293.461.000	3.726.453.086
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.293.461.000)	(3.726.453.086)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(11.199.911.800)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		**-**	**(11.199.911.800)**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		**98.547.967**	**(3.676.194.736)**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	11.000.588.449	14.677.094.710
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		967.877	(311.525)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		**11.100.104.293**	**11.000.588.449**

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Lê Tiến Dũng	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nguyễn Thị Thu Quanh

Quảng Nam, ngày 04 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Du lịch – Dịch vụ Hội An theo Quyết định số 51/QĐ-TU ngày 16/02/2006 của Tỉnh ủy Quảng Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3303070234 ngày 01/10/2006. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000102418) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/05/2021. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy phép niêm yết số 104/2011/QĐ-SGDHCM ngày 13/07/2011 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán HOT. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 21/07/2011.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: *Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn.*

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn;
- Vận tải hành khách đường thuỷ nội địa. Chi tiết: Vận tải hành khách đường thuỷ nội địa bằng phương tiện cơ giới;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao. Chi tiết: Dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao dưới nước, dịch vụ lặn biển;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương. Chi tiết: Vận tải ven biển bằng ca nô;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay, đại lý đổi ngoại tệ;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao. Chi tiết: Dịch vụ thể dục thẩm mỹ, thế dục thể hình;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải khách du lịch, vận tải khách theo hợp đồng;
- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Dịch vụ internet;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có 5 đơn vị trực thuộc và 1 Công ty con, bao gồm:

Các Đơn vị trực thuộc

Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An – Khách sạn Hội An	Số 10 Trần Hưng Đạo, TP Hội An, Tỉnh Quảng Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An – Khu du lịch biển Hội An	Số 01 Cửa Đại, TP Hội An, Tỉnh Quảng Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An – Khu nghỉ dưỡng Tam Thanh	Thôn Hạ Thanh, Xã Tam Thanh, TP Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An tại TP Hồ Chí Minh	Tầng 04, Tòa nhà Lâm Giang, 167-173 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An tại TP Hà Nội	Tầng 05 – Số 559 Kim Mã – Quận Ba Đình, TP Hà Nội

Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết
Công ty TNHH MTV Lữ hành Hội An	Số 10 Trần Hưng Đạo, Phường Minh An, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh lữ hành nội địa quốc tế; Dịch vụ đại lý bán vé máy bay	100%

1.5. Sự kiện quan trọng trong năm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2021 là năm mà Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19. Chính phủ đã áp dụng nhiều biện pháp để ngăn chặn đại dịch như hạn chế đi lại, kiểm soát biên giới, giãn cách xã hội. Do đó, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đều bị ảnh hưởng. Tổng Giám đốc Công ty đánh giá tác động của Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Công ty và từ đó xây dựng, áp dụng các kế hoạch phù hợp để kiểm soát tình hình, giảm thiểu các tác động tiêu cực và đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Công ty được ổn định.

Đại dịch Covid-19 đã lan rộng toàn cầu từ đầu năm 2020 và kéo dài đến hiện nay. Hệ lụy của nó làm kinh tế toàn cầu suy thoái và ảnh hưởng tiêu cực đến rất nhiều lĩnh vực, ngành nghề. Để ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh, các quy định về hạn chế đi lại, kiểm soát biên giới và giãn cách xã hội được thực hiện ở hầu hết các quốc gia trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực dịch vụ nhà hàng, khách sạn, cơ sở lưu trú du lịch, việc sụt giảm đáng kể nhu cầu du lịch, đi lại đã tác động tiêu cực đến môi trường kinh doanh của Công ty. Công ty buộc phải thu hẹp quy mô kinh doanh, các chi nhánh chỉ hoạt động cầm chừng, có giai đoạn tạm ngừng hoạt động, doanh thu năm 2021 của Công ty chỉ đạt 68,85% doanh thu năm 2020 và đạt 14,45% doanh thu 2019 (trước khi có dịch bệnh).

Mặc dù Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xây dựng, áp dụng các kế hoạch phù hợp để kiểm soát tình hình, giảm thiểu các tác động tiêu cực như: triển khai việc khai thác doanh thu (hoạt động đón công dân từ nước ngoài hồi hương và cách ly có thu phí tại 02 khách sạn trực thuộc, khai thác dịch vụ café, khai thác các tour du lịch gần, du lịch ngắn ngày, dịch vụ tiệc cưới, hội nghị); cắt giảm các chi phí không thực sự cần thiết; giám sát, kiểm soát, tiết kiệm chi phí; đàm phán với nhà cung cấp để giảm giá

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

hàng hóa, dịch vụ đầu vào; điều chỉnh các chính sách sử dụng lao động, tiền lương... nhưng Công ty vẫn phát sinh lỗ liên tiếp trong 2 năm 2020-2021.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập và trình bày theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

4.1.1 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con.

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gởi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc nguyên vật liệu, hàng hóa được xác định bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc, thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Cây lâu năm, khác	05

4.8 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất thì không thực hiện khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Quyền sử dụng đất	Không khấu hao
Phần mềm máy tính	03 - 05

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 5 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong năm tài chính được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các Cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.

- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với các dịch vụ lưu trú, nhà hàng, dịch vụ lữ hành du lịch và các dịch vụ khác.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Áp dụng mức thuế suất 30% đối với dịch vụ massage.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt	119.502.435	167.777.091
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.280.381.858	2.232.811.358
Tiền đang chuyển	220.000	-
Các khoản tương đương tiền	6.700.000.000	8.600.000.000
Cộng	**11.100.104.293**	**11.000.588.449**

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Lữ Hành Saigontourist tại Đà Nẵng	162.582.500	421.763.500
Travel Indochina	496.368.500	496.368.500
ICS Travel Group	178.310.400	178.310.400
Vietravel Chi nhánh Đà Nẵng	296.602.000	358.332.000
Các đối tượng khác	382.400.516	525.365.098
Cộng	**1.516.263.916**	**1.980.139.498**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Melia Hotels International S.A	78.240.000	39.541.667
Công ty TNHH Cát Việt	55.635.770	-
Các đối tượng khác	6.440.000	471.989.777
Cộng	**140.315.770**	**511.531.444**

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu đại lý vé máy bay	190.494.253	-	313.799.904	-
Lãi dự thu	64.518.673	-	168.580.821	-
Tạm ứng		-		-
Ký quỹ, ký cược	650.000.000	-	1.190.248.000	-
+ Ký quỹ theo hợp đồng chỉ định đại lý hành khách	*600.000.000*		*600.000.000*	-
+ Ký quỹ kinh doanh lữ hành quốc tế	-		*500.000.000*	-
+ Các khoản ký quỹ khác	*50.000.000*		*90.248.000*	-
Phải thu khác	334.578.575	(287.119.039)	334.556.500	(287.119.039)
Cộng	**1.239.591.501**	**(287.119.039)**	**2.007.185.225**	**(287.119.039)**

9. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	31/12/2021	01/01/2021
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	862.869.697	297.109.039
- Từ 3 năm trở lên	*579.109.439*	*287.119.039*
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	*283.760.258*	*3.996.000*
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	-	*5.994.000*
Cộng	**862.869.697**	**297.109.039**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	245.784.876	-	350.769.374	-
Công cụ, dụng cụ	912.189.356	-	1.011.572.339	-
Hàng hóa	369.601.975	-	436.765.838	-
Cộng	**1.527.576.207**	**-**	**1.799.107.551**	**-**

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng/khó/chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2021.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2021.

11. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Phí bảo trì phần mềm	25.160.577	-
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	40.737.676	27.581.136
Chi phí bảo hiểm	30.573.559	101.206.691
Các khoản khác	33.991.708	219.311.766
Cộng	**130.463.520**	**348.099.592**

b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	958.863.384	1.601.605.932
Chi phí sửa chữa	2.641.996.075	222.987.934
Chi phí thuê mặt bằng	45.666.652	71.666.659
Các khoản khác	63.483.096	968.663.273
Cộng	**3.710.009.207**	**2.864.923.798**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	-	901.024.781	749.803.947	-	151.220.834
Thuế tiêu thụ đặc biệt	14.055.532	-	-	-	14.055.532	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	45.785.509	77.980.426	119.124.555	-	4.641.380
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	5.433.384.985	168.599.168	-	5.264.785.817
Các loại thuế khác	78.423.663	-	151.494.967	73.009.538	-	61.766
Phí, lệ phí khác và các khoản phải nộp khác (*)	-	5.574.180.000	-	-	-	5.574.180.000
Cộng	**92.479.195**	**5.619.965.509**	**6.563.885.159**	**1.110.537.208**	**14.055.532**	**10.994.889.797**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

(*) Đây là tiền chuyển quyền sử dụng đất phải nộp vào ngân sách đối với lô đất tại khối Thanh Tây, phường Cẩm Châu, thành phố Hội An được ghi nhận căn cứ vào các văn bản sau:

- Ngày 27/06/2008, Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam đã có công văn số 768/CV/VPTU thông báo chuyển quyền sử dụng đất cho Công ty với giá trị là 4.311.594.000 đồng. Số tiền sử dụng đất phải nộp 1 lần.
- Ngày 29/01/2011, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam đã có Quyết định số 441/QĐ-UBND về việc phê duyệt đơn giá đất để thu tiền sử dụng đất, giao đất cho Công ty. Theo đó Công ty phải nộp một lần tiền sử dụng đất vào Ngân sách Nhà nước là 5.574.180.000.
- Quyền sử dụng đất trên được UBND tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký Quyền sử dụng đất số Đ862481 ngày 30/09/2004. Giấy chứng nhận này đã được thay đổi 2 lần: lần 1 vào ngày 17/06/2015 đổi tên người sử dụng từ Công ty Dịch vụ - Du lịch Hội An thành Công ty Cổ phần Dịch vụ - Du lịch Hội An, thay đổi lần 2 vào ngày 25/07/2017 để chuyển mục đích sử dụng đất thành đất ở đô thị lâu dài và đất thương mại dịch vụ có thời hạn 50 năm.
- Ngày 17/09/2019, UBND tỉnh Quảng Nam đã có công văn số 229/UBND-KTN yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và Tổng Giám đốc nộp lại bản gốc Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số Đ862482 do UBND tỉnh Quảng Nam cấp ngày 30/09/2004 cho Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Nam để xóa nội dung đăng ký biến động trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do không đúng quy định về pháp luật đất đai.
- Theo đó, sau khi xin ý kiến Hội đồng quản trị, Công ty đã có tờ trình số 80/TT-CT ngày 14/05/2020 gửi đến Thường trực tỉnh ủy Quảng Nam, UBND tỉnh Quảng Nam đề nghị giải quyết theo một trong hai phương án sau:
  - ✓ Đề nghị cho phép Công ty được giao đất có thu tiền sử dụng đất theo Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 29/01/2011 của UBND tỉnh Quảng Nam, Công ty tiếp tục thực hiện nghĩa vụ tài chính theo Quyết định này.
  - ✓ Hoặc đề nghị cho Công ty thuê đất với hình thức nộp tiền thuê đất hàng năm với thời hạn thuê đất là 50 năm.
- Ngày 26/05/2020, Văn phòng UBND tỉnh Quảng Nam đã có Công văn số 834/VPUBND-KTN về việc giải quyết đề nghị của Công ty theo Tờ trình số 80/TT-CT ngày 14/05/2020. Theo đó, Văn phòng UBND tỉnh đề nghị Công ty cử bộ phận chuyển môn cung cấp hồ sơ, tài liệu làm việc với Sở tài nguyên và Môi trường để chủ trì kiểm tra, xem xét và tham mưu UBND Tỉnh giải quyết theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Công ty đã cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường nhưng đến nay vẫn chưa có Quyết định từ cấp có thẩm quyền. Cho đến thời điểm hiện nay, Công ty chưa nộp số tiền 5.574.180.000 đồng (theo Quyết định số 441/QĐ-UBND) vào Ngân sách Nhà nước do chờ chủ trương của Tỉnh Quảng Nam phê duyệt phương án giải quyết cuối cùng đối với lô đất này.

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	147.719.868.452	34.585.912.963	20.030.141.067	6.492.537.467	451.095.000	209.279.554.949
Mua sắm trong năm	-	-	-	376.823.000	-	376.823.000
Thanh lý/nhượng bán	183.976.436	-	3.555.241.257	-	-	3.739.217.693
Số cuối năm	**147.535.892.016**	**34.585.912.963**	**16.474.899.810**	**6.869.360.467**	**451.095.000**	**205.917.160.256**
Khấu hao						
Số đầu năm	102.777.969.637	31.887.935.973	17.489.067.927	5.902.453.163	383.430.750	158.440.857.450
Khấu hao trong năm	3.518.445.252	852.471.774	694.462.596	311.304.514	67.664.250	5.444.348.386
Thanh lý/nhượng bán	183.976.436	-	3.320.253.001	-	-	3.504.229.437
Số cuối năm	**106.112.438.453**	**32.740.407.747**	**14.863.277.522**	**6.213.757.677**	**451.095.000**	**160.380.976.399**
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	44.941.898.815	2.697.976.990	2.541.073.140	590.084.304	67.664.250	50.838.697.499
Số cuối năm	**41.423.453.563**	**1.845.505.216**	**1.611.622.288**	**655.602.790**	**-**	**45.536.183.857**

- Không có TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại thời điểm 31/12/2021.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 97.425.878.366 đồng.

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.363.944.364	3.527.974.634	10.891.918.998
Mua trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	**7.363.944.364**	**3.527.974.634**	**10.891.918.998**
Khấu hao			
Số đầu năm	601.890.655	3.316.744.498	3.918.635.153
Khấu hao trong năm	-	93.258.136	93.258.136
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	601.890.655	**3.410.002.634**	**4.011.893.289**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.762.053.709	211.230.136	6.973.283.845
Số cuối năm	**6.762.053.709**	**117.972.000**	**6.880.025.709**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(*) Quyền sử dụng đất tại ngày 31/12/2021 bao gồm:

- Quyền sử dụng đất lô đất tại khối Thanh Tây, Phường Cẩm Châu, Thành phố Hội An đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 1.801m^2, trong đó diện tích đất ở lâu dài là 200m^2 và diện tích đất thương mại dịch vụ là 1.601m^2 có thời hạn đến 18/05/2053, tổng nguyên giá là 5.574.180.000 đồng. Công ty không thực hiện trích khấu hao do Công ty và Văn phòng tỉnh ủy Quảng Nam đang thống nhất phương án liên quan đến việc sử dụng lô đất này (Xem điểm (*) của thuyết minh số 12).
- Quyền sử dụng đất của lô đất tại thôn Trà Quế, xã Cẩm Hà, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam với diện tích 375m^2, nguyên giá 1.789.764.364 đồng.

- Không có TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2021.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 2.960.510.998 đồng.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021	01/01/2021
Dự án cải tạo nâng cấp Khách sạn Hội An	5.045.151.054	1.914.576.412
Dự án khác	13.136.364	3.636.364
Cộng	**5.058.287.418**	**1.918.212.776**

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH MTV Crespi Montes Vich Chau	448.458.799	-
Công ty CP Tích hợp Truyền thông Net & Com	295.900.000	-
Bà Lê Thị Loan	188.945.774	40.055.088
Bà Trần Thị Bích	390.737.940	24.066.516
Bà Huỳnh Thị Quý	168.510.500	52.184.200
Các đối tượng khác	1.729.233.632	1.028.860.663
Cộng	**3.221.786.645**	**1.145.166.467**

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Travel Sky	463.485.900	-
Các đối tượng khác	373.750.315	512.157.694
Cộng	**837.236.215**	**512.157.694**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021	01/01/2021
Kinh phí công đoàn	-	1.591.400
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	26.136.204	2.082.610
Thù lao HĐQT-BKS	142.500.000	128.304.744
Thuế TNCN thu hộ	186.626.394	241.519.159
Các khoản phải trả, phải nộp khác	477.752.084	817.400.290
Cộng	**833.014.682**	**1.190.898.203**

19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2021	01/01/2021
Thuế suất sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	73.304.202	183.456.458
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh	675.224.091	450.190.540
Cộng	**748.528.293**	**633.646.998**

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2020	**80.000.000.000**	**(630.000)**	**21.915.004.518**	**13.339.055.478**
Tăng trong năm	-		473.696.260	(25.069.116.830)
Giảm trong năm	-		-	12.598.954.232
Số dư tại 31/12/2020	**80.000.000.000**	**(630.000)**	**22.388.700.778**	**(24.329.015.584)**
Số dư tại 01/01/2021	**80.000.000.000**	**(630.000)**	**22.388.700.778**	**(24.329.015.584)**
Tăng trong năm	-		-	(21.097.884.167)
Giảm trong năm	-		-	-
Số dư tại 31/12/2021	**80.000.000.000**	**(630.000)**	**22.388.700.778**	**(45.426.899.751)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	(24.329.015.584)	13.339.055.478
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	(21.097.884.167)	(25.069.116.830)
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	12.598.954.232
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	*878.658.672*
- Chi trả cổ tức	-	*11.199.911.800*
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	*473.696.260*
- Giảm khác	-	*46.687.500*
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	**(45.426.899.751)**	**(24.329.015.584)**

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, khách sạn	24.139.841.403	30.006.054.473
Doanh thu dịch vụ lữ hành, du lịch	1.494.197.515	5.678.632.154
Doanh thu khác	829.104.522	2.753.585.063
Cộng	**26.463.143.440**	**38.438.271.690**

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
Giá vốn dịch vụ nhà hàng, khách sạn	35.751.099.360	41.130.885.371
Giá vốn dịch vụ lữ hành	2.344.934.834	6.764.510.291
Giá vốn khác	619.130.392	1.198.294.693
Cộng	**38.715.164.586**	**49.093.690.355**

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi	544.747.116	2.031.886.713
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.352.443	10.369.604
Cộng	**549.099.559**	**2.042.256.317**

24. Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí lãi vay	10.044.008	11.714.314
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.761.227	16.238.316
Cộng	**11.805.235**	**27.952.630**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên vật liệu	40.234.217	44.886.308
Chi phí nhân công	395.180.934	884.711.158
Chi phí dịch vụ mua ngoài	205.408.001	2.366.575.719
Cộng	**640.823.152**	**3.296.173.185**

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên vật liệu	110.106.196	421.363.625
Chi phí nhân viên quản lý	6.151.543.974	9.820.814.204
Chi phí dự phòng nợ phải thu	565.760.658	3.996.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	355.423.280	691.486.393
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.457.438.479	1.752.300.365
Chi phí khác bằng tiền	577.612.982	504.514.540
Cộng	**9.217.885.569**	**13.194.475.127**

26. Thu nhập khác

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi thanh lý TSCĐ	477.213.563	607.267.468
Tiền hỗ trợ nhận được	101.134.000	-
Các khoản khác	87.759.034	115.508.561
Cộng	**666.106.597**	**722.776.029**

27. Chi phí khác

	Năm 2021	Năm 2020
Các khoản phạt	40.248.000	8.986.532
Chi phí khác	35.425.926	516.999.335
Cộng	**75.673.926**	**525.985.867**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(20.983.002.872)	(24.934.973.128)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.051.295.085	655.759.413
- Điều chỉnh tăng	1.052.471.331	2.319.704.298
+ Thù lao HĐQT và BKS không chuyên trách	*500.785.315*	*596.491.229*
+ Chi phí không hợp lệ	*551.686.016*	*1.723.213.069*
- Điều chỉnh giảm	1.176.246	1.663.944.885
+ Cổ tức lợi nhuận được chia	-	*1.663.944.885*
+ Lỗ chênh lệch tỷ giá	*1.176.246*	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(19.931.707.787)	(24.279.213.715)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

29. Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2021	Năm 2020
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh	169.800.329	193.186.151
Cộng	**169.800.329**	**193.186.151**

30. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(21.097.884.167)	(25.069.116.830)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(21.097.884.167)	(25.069.116.830)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	7.999.937	7.999.937
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	**(2.637)**	**(3.134)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.238.157.112	10.567.489.304
Chi phí nhân công	13.187.244.612	27.119.934.938
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.537.606.522	8.584.756.310
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.364.245.579	14.910.452.131
Chi phí khác bằng tiền	6.894.060.307	4.403.696.585
Cộng	**47.221.314.132**	**65.586.329.268**

32. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận của Công ty theo hoạt động kinh doanh của từng đơn vị trực thuộc và công ty con như sau:

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh	*Nhà hàng, khách sạn*		*Lữ hành, du lịch*		*Tổng cộng*	
	Năm 2021	*Năm 2020*	*Năm 2021*	*Năm 2020*	*Năm 2021*	*Năm 2020*
Doanh thu bộ phận	24.968.945.925	32.759.639.536	1.494.197.515	5.678.632.154	26.463.143.440	38.438.271.690
Giá vốn bộ phận	36.370.229.752	42.329.180.064	2.344.934.834	6.764.510.291	38.715.164.586	49.093.690.355
Lãi gộp từ hoạt động kinh doanh	(11.401.283.827)	(9.569.540.528)	(850.737.319)	(1.085.878.137)	(12.252.021.146)	(10.655.418.665)
	31/12/2021	*01/01/2021*	*31/12/2021*	*01/01/2021*	*31/12/2021*	*01/01/2021*
Tài sản bộ phận	67.011.328.784	79.250.745.638	8.978.678.449	9.904.634.247	75.990.007.233	89.155.379.885
- Tài sản ngắn hạn	*9.451.047.711*	*21.218.692.943*	*5.354.453.331*	*5.332.569.024*	*14.805.501.042*	*26.551.261.967*
- Tài sản dài hạn	*57.560.281.073*	*58.032.052.695*	*3.624.225.118*	*4.572.065.223*	*61.184.506.191*	*62.604.117.918*
Nợ phải trả bộ phận	18.661.782.640	10.874.220.740	367.053.566	222.103.951	19.028.836.206	11.096.324.691
- Nợ ngắn hạn	*17.913.254.347*	*10.240.573.742*	*367.053.566*	*222.103.951*	*18.280.307.913*	*10.462.677.693*
- Nợ dài hạn	*748.528.293*	*633.646.998*	-	-	*748.528.293*	*633.646.998*
	Năm 2021	*Năm 2020*	*Năm 2021*	*Năm 2020*	*Năm 2021*	*Năm 2020*
Khấu hao TSCĐ	4.835.469.726	7.303.346.570	702.136.796	1.281.409.740	5.537.606.522	8.584.756.310

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

33. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Quản lý rủi ro thị trường*:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch vay nợ có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Số dư cuối kỳ của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

		31/12/2021	01/01/2021
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	USD	2.101,16	2.167,86

Quản lý rủi ro về giá

Nguyên vật liệu đầu vào chủ yếu tại Công ty là các loại nguyên liệu phục vụ nhà hàng khách sạn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với giá bán thấp nhất có thể, tập trung số lượng đặt hàng lớn để được hưởng các chính sách ưu đãi về giá từ nhà cung cấp đồng thời theo dõi biến động thị trường để đảm bảo nguồn nguyên liệu với gía cả hợp lý nhất.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tài chính là một số khoản nợ phải thu. Với những khách hàng mới, Công ty tìm hiểu kỹ về khả năng tài chính và thanh toán của khách hàng từ đó xác định cho tín chấp hay thanh toán trước dịch vụ, tiền hàng. Ngoài ra, giữa bộ phận kinh doanh và bộ phận tài chính kế toán luôn có sự đối chiếu thông tin về các khoản công nợ đến hạn thanh toán cũng như quá hạn để kịp thời đôn đốc và có biện pháp thu nợ thích hợp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,…

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	3.221.786.645	-	3.221.786.645
Phải trả khác	806.878.478	-	806.878.478
Cộng	**4.028.665.123**	**-**	**4.028.665.123**

01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.145.166.467	-	1.145.166.467
Phải trả khác	1.187.224.193	-	1.187.224.193
Cộng	**2.332.390.660**	**-**	**2.332.390.660**

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.100.104.293	-	11.100.104.293
Phải thu khách hàng	940.513.258	-	940.513.258
Phải thu khác	952.472.462	-	952.472.462
Cộng	**12.993.090.013**	**-**	**12.993.090.013**

01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.000.588.449	-	11.000.588.449
Đầu tư tài chính	9.000.000.000	-	9.000.000.000
Phải thu khách hàng	1.970.149.498	-	1.970.149.498
Phải thu khác	1.720.066.186	9.000.000	1.729.066.186
Cộng	**23.690.804.133**	**9.000.000**	**23.699.804.133**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Thu nhập của các thành viên chủ chốt

Giao dịch	Chức danh	Năm 2021	Năm 2020
Thù lao Hội đồng quản trị			
Ông Phan Văn Bình	Chủ tịch	68.000.000	-
Ông Trần Nam Hưng	Chủ tịch	34.000.000	88.945.030
	Thành viên	-	22.400.000
Ông Nguyễn Văn Ban	Chủ tịch	-	41.754.386
Ông Vũ Hiền	Phó Chủ tịch	84.000.000	100.210.526
Ông Lê Tiến Dũng	Thành viên	-	27.836.257
Ông Đoàn Ngọc Trung	Thành viên	66.000.000	79.958.229
Bà Lê Thị Thu Thủy	Thành viên	72.000.000	55.672.515
Ông Lê Thanh Bình	Thành viên	72.000.000	83.508.772
Ông Phan Trung Phi	Thành viên	6.000.000	-
Lương, thưởng Ban Tổng giám đốc			
Ông Lê Tiến Dũng	Tổng Giám đốc	546.000.000	591.500.000
Ông Nguyễn Văn Cư	Phó Tổng Giám đốc	378.000.000	409.500.000
Bà Lê Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc	378.000.000	412.200.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc	378.000.000	409.500.000

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

36. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác.

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Lê Tiến Dũng	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nguyễn Thị Thu Quanh

Quảng Nam, ngày 04 tháng 03 năm 2022